

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-7-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn; hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân;

2. Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Thông báo số 447/2022/TB-TA, ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc thay đổi thời gian xét xử giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Võ Hoàng V, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường L, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm T, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022 và quá trình hòa giải nguyên đơn ông Lê Võ Hoàng V thể hiện nội dung yêu cầu khởi kiện; đồng thời có ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Ph như sau:

Vào năm 1997, ông và bà Ph sau thời gian tìm hiểu được sự chấp thuận của

gia đình hai bên cả hai đi đến hôn nhân. Hôn nhân của ông, bà có tổ chức đám cưới và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND Mỹ Long vào ngày 13 tháng 5 năm 1998. Quá trình chung sống hạnh phúc vợ chồng có với nhau hai con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1998 và Lê Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2008. Sau khi có con, bà Ph thay đổi tính tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống trầm trọng. Mâu thuẫn ngày càng nhiều nên từ năm 2012 cho đến nay vợ chồng đã ly thân. Do cuộc hôn nhân của ông và bà Ph không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Ph;

- Về con chung: Hiện cháu Lê Nguyễn Hoàng Th đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Riêng cháu Lê Nguyễn Đăng Kh chưa trưởng thành trước giờ sống với ông nên khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Kh và không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có.

Đối với yêu cầu trả 30.000.000 đồng của bà Ph: Ông đồng ý trả cho bà Ph 15.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01 tháng 4 năm 2015. Riêng số tiền 15.000.000 đồng không có biên nhận ông không đồng ý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Võ Hoàng V, bị đơn bà Nguyễn Thị Ph thể hiện ý kiến và nội dung yêu cầu phản tố của bà tại văn bản trình bày ý kiến và đơn yêu cầu ngày 10 tháng 5 năm 2022 như sau:

Bà xác định hôn nhân giữa bà và ông V có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Long vào ngày 13 tháng 5 năm 1998 và cả hai đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay như ông V trình bày. Do thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V.

Về con chung: Cháu Th đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Kh chưa trưởng thành, thời gian qua cháu sống với ông V nên khi ly hôn bà đồng ý để ông V được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con bà sẽ lo cho con theo khả năng của mình, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có.

Ngoài ra trong thời gian ly thân năm 2015 bà có cho ông V mượn tiền hai lần với số tiền 30.000.000 đồng: Lần đầu 15.000.000 đồng không có biên nhận; lần thứ hai 15.000.000 đồng vào ngày 01 tháng 4 năm 2015, ông V có ký biên nhận. Mục đích ông V mượn số tiền này là để chuộc lại giấy tờ nhà đất bên gia đình ông V đang cầm cố bên ngoài. Khi mượn ông V có cam kết trả theo lương hằng tháng nhưng ông V không thực hiện. Nay khi ly hôn bà yêu cầu ông V trả lại cho bà số tiền này.

Tại phiên tòa ngày 06 tháng 7 năm 2022:

- Nguyên đơn ông Lê Võ Hoàng V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với phản tố của bà Ph: Ông chỉ đồng ý trả 15.000.000 đồng có ký biên nhận. số tiền

không có biên nhận ông không đồng ý.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của ông V. Đối với yêu cầu phản tố: Bà rút lại một phần yêu cầu của số tiền 15.000.000 đồng không có biên nhận, chỉ yêu cầu ông V trả 15.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01 tháng 4 năm 2015.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà Ph; về con chung cháu Lê Nguyễn Hoàng Th đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết, cháu Lê Nguyễn Đăng Kh chưa trưởng thành giao cho ông V nuôi dưỡng; bà Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do ông V không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân không có nên không xem xét giải quyết.

+ Đối với yêu cầu phản tố của bà Ph: Do bà Ph rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 15.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này; chấp nhận yêu cầu buộc ông V trả số tiền 15.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01 tháng 4 năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông V khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bà Ph. Bà Ph yêu cầu phản tố ông V trả số tiền 30.000.000 đồng. Bà Ph có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về xem xét việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn bà Ph phản tố yêu cầu ông V trả 30.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà Ph chỉ yêu cầu ông V trả 15.000.000 đồng ông V ký biên nhận ngày 01 tháng 4 năm 2015; số tiền 15.000.000 đồng còn lại không có biên nhận bà rút lại và không yêu cầu ông V trả. Việc rút một phần yêu cầu phản tố của bà Ph là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2

Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu buộc ông V trả 15.000.000 đồng không có biên nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà Ph tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 13 tháng 5 năm 1998. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông V yêu cầu ly hôn với bà Ph. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến nên thường xuyên cự cãi. Cả hai đã ly thân từ năm 2012 đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc hôn nhân giữa ông V và bà Ph; ông, bà lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã hòa giải để ông, bà hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được. Đối với yêu cầu ly hôn của ông V, bà Ph chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của ông, bà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V đối với bà Ph.

[3.2] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông V và bà Ph có hai con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1998 và Lê Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2008. Ông V và bà Ph xác định con chung Lê Nguyễn Hoàng Th đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Lê Nguyễn Đăng Kh chưa trưởng thành. Khi ly hôn ông V yêu cầu được nuôi dưỡng và bà Ph đồng ý để ông V nuôi dưỡng cháu Kh. Sự thống nhất giữa ông V, bà Ph cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh là được ở với cha khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ vào nguyện vọng, quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Kh cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V phải tạo điều kiện cho bà Ph trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về quan hệ nợ chung: Ông V, bà Ph trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông, bà phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bà Ph buộc ông V trả số tiền 15.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01 tháng 4 năm 2015. Ông V thừa nhận có mượn số tiền này và đồng ý trả cho bà Ph. Do đó, yêu cầu của bà Ph là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông V có yêu cầu được trả dần hằng tháng số tiền này nhưng bà Ph không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố của bà Ph được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bà Ph đối với yêu cầu ông V trả số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng) đồng, không có biên nhận.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V:

2.1 Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V với bà Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33 do UBND phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Ph, Lê Võ Hoàng V ngày 13 tháng 5 năm 1998 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về quan hệ con chung: Cháu Lê Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 31 tháng 5 năm 1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Cháu Lê Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2008 giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Ông V phải tạo điều kiện cho bà Ph trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Bà Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về quan hệ tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Ph đối với ông V: Buộc ông V có nghĩa vụ trả cho bà Ph số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo “*Tờ biên nhận*” ký ngày 01 tháng 4 năm 2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Ông V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ một phần vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001164, ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông V còn phải nộp thêm 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Ph được nhận lại 375.000 (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001261, ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Võ Hoàng V, bà Nguyễn Thị Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu